

## A2. NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Mã số: 8 85 01 03

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1.1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu nhằm cung cấp cho người học có kiến lý thuyết sâu, rộng và tiên tiến trong lĩnh vực quản lý đất đai; có năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Quản lý đất đai và các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường. Thành thạo các nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong công tác quản lý đất đai. Thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm cao trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn ngành Quản lý đất đai.

##### 1.1.2. Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến lý thuyết sâu, rộng và tiên tiến trong lĩnh vực quản lý đất đai; có năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Quản lý đất đai và các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

MT2: Thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, các thiết bị hiện đại, các nghiệp vụ hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

MT3: Thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm cao trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn ngành Quản lý đất đai.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

| Chuẩn đầu ra của CTĐT                                                                                                                                                                | Chỉ báo của CDR                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức chung</b>                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| CDR 1. Phân tích được các nguyên lý về triết học, tổ chức, quản lý phương pháp nghiên cứu khoa học và trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất. | 1.1. Phân tích được các nguyên lý triết học, tổ chức và quản lý trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.<br>1.2. Phân tích được nguyên lý về phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.<br>1.3. Phân tích được nguyên lý về trí tuệ nhân tạo để ứng dụng trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất. |
| <b>Kiến thức chung nhóm ngành</b>                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| CDR2. Phân tích được nguyên lý về kinh tế, quản lý, tài chính, kế toán và nguồn lực tự                                                                                               | 2.1. Phân tích được nguyên lý về kinh tế học, quản lý tài chính kế toán trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.                                                                                                                                                                                                     |

| <b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b>                                                                                                                                            | <b>Chỉ báo của CDR</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| nhiên trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất                                                                                                   | 2.2. Phân tích được nguyên lý về quản lý tài chính đối với nguồn lực tự nhiên (đất đai) trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Kiến thức chuyên môn</b>                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| CDR 3: Phân tích nội dung quản lý, sử dụng đất                                                                                                                          | <p>3.1. Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý, các công nghệ mới trong công tác đo đạc, lập bản đồ và quản lý thông tin đất đai;</p> <p>3.2. Phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn các vấn đề nghiên cứu về quản lý, sử dụng đất.</p> <p>3.3. Phân tích hệ thống quản lý đất đai, quy hoạch đất đai và các mô hình sử dụng đất phục vụ quản lý, sử dụng đất;</p> |
| CDR 4: Đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội                                                    | <p>4.1. Đề xuất giải pháp quản lý đất đai phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội;</p> <p>4.2. Đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội;</p>                                                                                                                                                             |
| <b>Kỹ năng chung</b>                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| CDR 5: Thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.                                                                        | <p>5.1. Xây dựng đề cương nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách hiệu quả và khả thi.</p> <p>5.2. Triển khai hiệu quả các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.</p> <p>5.3. Viết và trình bày báo cáo khoa học thể hiện sự thông hiểu về các vấn đề chuyên môn và khả năng truyền đạt tri thức.</p>                                 |
| CDR 6: Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, các thiết bị đa phương tiện, ngoại ngữ, trong giao tiếp và các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất. | <p>6.1. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong giao tiếp và các hoạt động chuyên môn</p> <p>6.2. Sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>                                                                                                                                         |
| <b>Kỹ năng chuyên môn</b>                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| CDR 7: Sử dụng thành thạo công nghệ hiện đại và các nghiệp vụ hành chính trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất                             | 7.1. Sử dụng thành thạo công nghệ hiện đại trong công tác đo đạc, lập bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.                                                                                                                                                                                                                                                         |

| <b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b>                                                                                              | <b>Chỉ báo của CDR</b>                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                           | 7.2. Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ hành chính trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý, sử dụng đất                                                             |
| <b>Tự chủ và trách nhiệm</b>                                                                                              |                                                                                                                                                                                 |
| CDR 8: Thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm cao trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, tự định hướng và hướng dẫn người khác. | 8.1. Thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm cao trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.<br>8.2. Tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn. |

## **2. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ NGUỒN TUYỂN SINH**

### **2.1. Đối tượng đào tạo**

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu; văn bằng giáo dục đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

### **2.2. Nguồn tuyển sinh**

#### **2.2.1. Ngành đúng và phù hợp**

Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Địa chính, Công nghệ địa chính, Quản lý bất động sản, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên thiên nhiên.

#### **2.2.2. Ngành gần và ngành khác**

**Nhóm 1:** Khoa học đất, Kinh tế địa chính, Quản lý Đô thị, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý tài nguyên môi trường rừng, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Thổ nhưỡng, Thổ nhưỡng – nông hóa, Trắc địa - địa chính, Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ, Quản lý đô thị và công trình; Quản lý phát triển bất động sản và đô thị;

**Nhóm 2:** Bản đồ, Bất động sản, Công nghệ thông tin, Địa chất, Địa lý, Đo đạc và bản đồ, Kinh tế - quản lý Tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế Tài nguyên Môi trường, Kinh tế bất động sản; Khai thác mỏ, Khoa học môi trường, Kiến trúc, Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kinh tế phát triển, Kinh tế xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Lâm nghiệp, Lâm nghiệp đô thị, Lâm nghiệp xã hội, Luật, Luật kinh tế, Môi trường, Quản lý kinh tế, Quản lý môi trường, Quy hoạch lâm nghiệp, Thủy nông cải tạo đất, Trắc địa, Trắc địa công trình, Trắc địa mỏ, Xây

dựng; Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý; **Kỹ thuật đô thị.**

**Ngành khác:** Ngành không thuộc các ngành trên

**Các học phần bổ túc kiến thức gồm:**

| TT | Tên học phần                                        | Số TC | Ngành gần nhóm 1 | Ngành gần nhóm 2 | Ngành khác |
|----|-----------------------------------------------------|-------|------------------|------------------|------------|
| 1  | Bản đồ địa chính                                    | 4     | x                | x                | x          |
| 2  | Quản lý nhà nước về đất đai                         | 4     | x                | x                | x          |
| 3  | Quy hoạch sử dụng đất                               | 3     |                  | x                | x          |
| 4  | Hệ thống thông tin địa lý                           | 3     |                  | x                | x          |
| 5  | Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường | 4     |                  |                  | x          |
| 6  | Trắc địa                                            | 4     |                  |                  | x          |
| 7  | Định giá đất                                        | 3     |                  |                  | x          |
|    | <b>Tổng</b>                                         |       | <b>8</b>         | <b>14</b>        | <b>25</b>  |

### 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo là 60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: Từ 15 đến 24 tháng theo hình thức chính quy và từ 24 đến 30 tháng theo hình thức vừa làm vừa học.

#### 3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

| Học kỳ | Mã học phần   | Tên học phần                                              | Tên HP tiếng Anh                               | Tổng Số TC | Lý thuyết   | Thực hành   | BB/TC |
|--------|---------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|-------------|-------------|-------|
|        |               | <b>Tổng số tín chỉ của ngành</b>                          |                                                | <b>60</b>  |             |             |       |
|        | <b>I</b>      | <b>KIẾN THỨC NỀN TẢNG CHUNG</b> (Chung Học viện)          |                                                | <b>15</b>  | <b>14.0</b> | <b>1.0</b>  |       |
| I      | XH80001       | Triết học                                                 | Philosophy                                     | 4          | 4           | 0           | BB    |
| I      | DL80002       | Tiếng Anh                                                 | English                                        | 2          | 2           | 0           | BB    |
| I      | KT80003       | Tổ chức và quản lý                                        | Organization and management                    | 3          | 3           | 0           | BB    |
| I      | <b>NH8004</b> | <b>Phương pháp nghiên cứu khoa học</b>                    | <b>Scientific research</b>                     | <b>3</b>   | <b>32,5</b> | <b>00,5</b> | BB    |
| II     | TT80005       | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nông nghiệp và môi trường | AI applications in agriculture and environment | 3          | 32,5        | 00,5        | BB    |
|        | <b>II</b>     | <b>KIẾN THỨC LIÊN NGÀNH CÓ LIÊN QUAN</b>                  |                                                | <b>9</b>   | <b>9</b>    | <b>0</b>    |       |

| Học kỳ | Mã học phần | Tên học phần                                                                  | Tên HP tiếng Anh                                                       | Tổng Số TC | Lý thuyết             | Thực hành             | BB/TC |
|--------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|-------|
|        |             | <b>Nhóm ngành I</b>                                                           |                                                                        |            |                       |                       |       |
| I      | KT80101     | Kinh tế học quản lý                                                           | Managerial economics                                                   | 3          | 3                     | 0                     | BB    |
| I      | KQ80101     | Quản lý tài chính kế toán                                                     | Accounting and finance management                                      | 3          | 3                     | 0                     | BB    |
| I      | TM80101     | Tài chính đất đai trong kỷ nguyên số                                          | Land finance in the digital age                                        | 3          | 3                     | 0                     | BB    |
|        | <b>III</b>  | <b>KIẾN THỨC NGÀNH</b>                                                        |                                                                        | <b>36</b>  | <b>12</b>             | <b>24</b>             |       |
|        | <b>3.1</b>  | <b>Kiến thức ngành</b>                                                        |                                                                        | <b>18</b>  | <b>12</b>             | <b>6</b>              |       |
| I      | TM81001     | Quy hoạch sử dụng đất nâng cao                                                | Advanced land use planning                                             | 3          | 3                     | 0                     | BB    |
| I      | TM88001     | Chuyên đề tổng quan về cơ sở lý luận, thực tiễn lĩnh vực quản lý, sử dụng đất | Overview of theoretical and practical basis of land use and management | 3          | 1                     | 2                     | BB    |
| I      | TM81002     | <del>Đề án 1</del> <b>Đề án Quản lý đất đai 1</b>                             | <del>Project 1</del> <b>Project of land management 1</b>               | 3          | 1                     | 2                     | BB    |
| I      | TM81003     | <del>Đề án 2</del> <b>Đề án Quản lý đất đai 2</b>                             | <del>Project 2</del> <b>Project of land management 2</b>               | 3          | 1                     | 2                     | BB    |
|        |             | <b>Tự chọn</b> (chọn 2 trong 4 học phần dưới)                                 |                                                                        | <b>6</b>   | <b>6</b>              | <b>0</b>              |       |
| II     | TM81004     | Quản lý địa giới hành chính                                                   | Management of Administrative boundaries                                | 3          | 3                     | 0                     | TC    |
| II     | TM81005     | Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý đất đai                               | Application Remote Sensing and GIS in Land Management                  | 3          | 3                     | 0                     | TC    |
| II     | TM81006     | Quy hoạch không gian                                                          | Spatial Planning                                                       | 3          | 3                     | 0                     | TC    |
| II     | TM81007     | Hệ thống quản lý đất đai hiện đại                                             | Modern land management                                                 | 3          | 3                     | 0                     | TC    |
|        | <b>3.2</b>  | <b>Chuyên đề và luận văn tốt nghiệp</b>                                       |                                                                        | <b>18</b>  | <b>0</b>              | <b>18</b>             |       |
| II     | TM88002     | Chuyên đề nghiên cứu                                                          | Minor research project                                                 | 6          | <del>0</del> <b>1</b> | <del>6</del> <b>5</b> | BB    |
| II+III | TM88101     | Luận văn tốt nghiệp                                                           | Thesis                                                                 | 12         | 0                     | 12                    | BB    |

## 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

### 4.1. Các học phần đại cương

**XH80001. Triết học (Philosophy) (4TC: 4,0 – 0 – 0 - 12).** Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về triết học, những học thuyết triết học trong tiến trình lịch sử, những lý luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh và sự vận dụng triết học Mác – Lênin, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

**DL80002. English (Total credits: 02 lecture: 02 – practice: 0 - self-study: 06).** Brief description of the course: The course consists of 5 units for speaking, listening, reading and writing skills at level 4/6 including That's my kind of friend, Working 9 to 5, Lend a hand, What happened?, Expanding your horizons. It equips students with useful knowledge, skills and techniques to do B2 Test.

**KT80003 - Tổ chức và quản lý (organization and management) (3TC: 3-0-9).** Học phần này gồm những nội dung chính: Những vấn đề cơ bản về tổ chức và quản lý; Công tác kế hoạch; Tổ chức nguồn lực cho hoạt động kinh tế; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế; Giám sát, đánh giá và cải thiện đầu tư.

**NH80004 - Phương pháp nghiên cứu khoa học (3TC: 2,5 – 0,5 – 9,0).** Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về cách tiếp cận nghiên cứu khoa học, các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học; phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu, phân tích dữ liệu và công bố kết quả nghiên cứu. Học phần củng cố cho học viên tư duy phản biện, các kỹ năng cần thiết từ xác định ý tưởng đến công bố kết quả nghiên cứu và hình thành thái độ liêm chính khoa học.

**TH80005 - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nông nghiệp và môi trường (AI applications in agriculture and environment).** (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 2,5 – Tổng số tín chỉ thực hành 0,5 – Tổng số tín chỉ tự học 9). Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp và thuật toán AI cơ bản, cùng với các ứng dụng thực tiễn trong nông nghiệp và bảo vệ môi trường. Học viên sẽ được tìm hiểu cách sử dụng AI để tối ưu hóa sản xuất nông nghiệp, dự báo mùa vụ, phát hiện sâu bệnh, và giám sát chất lượng môi trường. Học phần cũng hướng đến việc phân tích và xử lý dữ liệu lớn, tích hợp AI với các công nghệ hiện đại như IoT, drone và vệ tinh, giúp giải quyết các vấn đề môi trường và nông nghiệp.

### 4.2. Các học phần cơ sở ngành (liên ngành)

**KT80101 – Kinh tế học quản lý** (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết 03 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 09). Học phần này gồm các nội dung: giới thiệu các khái niệm cơ bản về kinh tế quản lý; lý thuyết cung, cầu, cân bằng thị trường; quyết định về sản xuất và chi phí; quyết định của đơn vị sản xuất kinh doanh theo thị trường và ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn.

**KQ80101- Quản lý tài chính kế toán** (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết 03 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 9). Học phần này gồm những vấn đề chung về quản lý tài chính, kế toán. Vai trò, nhiệm vụ và nguyên tắc quản lý tài chính, kế toán trong nền kinh tế. Các phương pháp và công cụ quản lý tài chính, kế toán trong nền kinh tế. Quản lý tài chính kế toán trong doanh nghiệp. Quản lý tài chính kế toán trong các đơn vị công lập.

**TM80101 - Tài chính về đất đai trong kỷ nguyên số** (Tổng số tín chỉ: 03; Tổng số tín chỉ lý thuyết: 03; Tổng số tín chỉ thực hành: 0; Tổng số tín chỉ tự học: 9). Học phần này gồm: Khái quát tài chính về đất đai trong kỷ nguyên số; Quy định các khoản thu tài chính từ đất đai tại Việt Nam; Tài chính về đất đai tại một số nước trên thế giới; Khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai trong kỷ nguyên số tại Việt Nam.

#### **4.3. Các học phần chuyên ngành**

**TM81001 - Quy hoạch sử dụng đất nâng cao** (Tổng số tín chỉ 03; Tổng số tín chỉ lý thuyết 03 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 09). Học phần này gồm Cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và vai trò của công tác quy hoạch sử dụng đất đai đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, mối quan hệ quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác; nội dung và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất đai các cấp. Công tác quản lý quy hoạch, bao gồm: tổ chức lập, thực hiện, ứng dụng chuyển đổi số trong quy hoạch sử dụng đất; Mô hình sử dụng đất, bao gồm: đặc điểm quy hoạch sử dụng đất tại một số vùng, một số mô hình sử dụng đất. Tiểu luận về đánh giá công tác lập và quản lý thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

**TM88001- Chuyên đề tổng quan về cơ sở lý luận, thực tiễn lĩnh vực quản lý, sử dụng đất.** (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 1 – Tổng số tín chỉ thực hành: 2 – Tổng số tín chỉ tự học: 9). Học viên có thể lựa chọn chuyên đề tổng quan phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai trong Luật đất đai như: tổng quan tình hình xây dựng lưới không chế trắc địa; tổng quan về viễn thám và GIS; tổng quan tình hình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; tổng quan công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổng quan về đấu giá đất; tổng quan về định giá đất; tổng quan về quy hoạch sử dụng đất; tổng quan tình hình sử dụng đất;

**TM81002; Đồ án quản lý đất đai 1** (Tổng số tín chỉ 03, trong đó Tổng số tín chỉ lý thuyết 01 – Tổng số tín chỉ thực hành 02 – Tổng số tín chỉ tự học 09). Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu để thành lập bản đồ chuyên đề bằng UAV, Viễn thám, GIS; Phân tích xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai trên một địa bàn cụ thể; Sau khi hoàn thành học phần học viên có năng lực tự chủ để phân tích, đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, có ý thức học tập suốt đời.

**TM81003. Đồ án quản lý đất đai 2** (Project of land management 2) (3TC: 1-2-9). Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng phân tích về phân tích về ảnh hưởng của đô thị hoá đến sử dụng đất; Phân tích một số công trình dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất (quy hoạch, quản lý, chuyển đổi mục đích); Phân tích, đánh giá phương án quy hoạch sử dụng đất đến chuyển đổi đất nông nghiệp; Sau khi hoàn thành học phần học viên có năng lực tự chủ về phân tích, đánh giá công tác quản lý đất đai, công tác quản lý sử dụng đất, có ý thức học tập suốt đời.

**TM81004: Quản lý địa giới hành chính (Management of Administrative boundaries) (3TC: 3-0-9).** Học phần này gồm các nội dung: Một số khái niệm trong quản lý địa giới hành chính; Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến địa giới hành chính; Điều chỉnh địa giới hành chính; Giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính; Thành lập và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Quy định thành lập hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; Ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ và quản lý địa giới hành chính.

**TM81005. Ứng dụng viễn thám và GIS trong Quản lý đất đai** (3TC: 3 – 0 - 9,0). Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức: Tổng quan về viễn thám, bộ cảm và vệ tinh viễn thám, xử lý ảnh viễn thám; Tổng quan về GIS, phân tích đơn lớp và phân tích đa lớp, phân tích bề mặt, WebGIS; Ứng dụng viễn thám và GIS trong Quản lý, sử dụng đất. Phần bài tập/thảo luận cung cấp cho học viên các kỹ năng về ứng dụng viễn thám và GIS trong Quản lý, sử dụng đất. Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có năng lực tự chủ tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện tốt ứng dụng viễn thám và GIS trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất

**TM81006. Quy hoạch không gian (Spatial Planning) (3TC: 3,0-0-9,0).** Cung cấp cơ sở lý luận quy hoạch không gian; vai trò của quy hoạch không gian trong quản lý đất đai; mối quan hệ giữa quy hoạch không gian với các quy hoạch khác; nguyên lý, quan điểm và nội dung quy hoạch không gian; phương pháp tiếp cận và một số mô hình tổ chức không gian. Phần bài tập/thảo luận trang bị kỹ năng phân tích và xây dựng định hướng quy hoạch không gian một vùng lãnh thổ. Hoàn thành học phần học viên có năng lực tự chủ về quy hoạch không gian, có ý thức học tập suốt đời.

**TM81007- Hệ thống quản lý đất đai hiện đại** (Tổng số tín chỉ: 03; Tổng số tín chỉ lý thuyết: 03; Tổng số tín chỉ thực hành: 0; Tổng số tín chỉ tự học: 9). Học phần này gồm: Cơ sở lý luận về hệ thống quản lý đất đai hiện đại; Hệ thống quản lý đất đai trên thế giới; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý đất đai Việt Nam theo hướng hiện đại.

**TM88002- Chuyên đề nghiên cứu.** (Tổng số tín chỉ 6: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 1 – Tổng số tín chỉ thực hành: 5 – Tổng số tín chỉ tự học: 18). Học viên có thể lựa chọn chuyên đề nghiên cứu theo các hướng: Đánh giá biến động đất đai bằng viễn thám và GIS; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất; Đánh giá mô hình chuyển đổi sử dụng đất; Tác động đô thị hóa đến quản lý, sử dụng đất; Đánh giá công tác đấu giá quyền sử dụng đất; Đánh giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Đánh giá việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

**TM88101- Luận văn tốt nghiệp** (Tổng số tín chỉ 12: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 0 – Tổng số tín chỉ thực hành: 12 – Tổng số tín chỉ tự học: 36). Học viên có thể lựa chọn luận văn tốt nghiệp theo các hướng: Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý đất đai; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất; Đánh giá mô hình chuyển đổi sử dụng đất; Tác động đô thị hóa đến quản lý, sử dụng đất; Đánh giá công tác đấu giá quyền sử dụng đất; Đánh giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Đánh giá việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất...